TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 246/2018/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2018/TLST - HNGĐ ngày 09/11/2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu chung cư A1, đường Ngô Trí Hòa, phường N, quận S, thành phố Đ.

2. Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường An Đồn, tổ 48, phường A, quận S, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà M và ông T sau thời gian tìm hiểu đã đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà cha mẹ ông T đường An Đồn, tổ 48, phường A, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cải vã nhau về cách sinh hoạt gia đình, về kinh tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng vẫn không được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà M và ông T thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho bà M, ông T. Xét

thấy, mâu thuẫn giữa bà M, ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà M, ông T.

[2] Về con chung: Bà M và ông T xác định có 01 con chung là Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 07/11/2014. Thuận tình ly hôn, bà M và ông T thỏa thuận: giao con Nguyễn Thị Gia H cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, bà M và ông T tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của bà M và ông T.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Bà M và ông T mỗi người chịu 150.000 đồng (ông T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thay cho bà M) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007504 ngày 09/11/2018.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Minh T thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số II/2012, do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ cấp ngày 05/7/2014 không còn giá trị pháp lý)

- Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 07/11/2014 cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Bà M và ông T mỗi người chịu 150.000 đồng (ông T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thay cho bà M) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007504 ngày 09/11/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *UBND phường A;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Ngô Đức Tài